

Số: 76/QĐ-MNASA

An Sinh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán chi ngân sách và nguồn khác năm 2024 của trường Mầm non An Sinh A

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị quyết toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị quyết toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ - PGDDT ngày 28/12/2023 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều " Về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024";

Căn cứ Quyết định số 645/QĐ - PGDDT ngày 09/8/2024 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều Về việc phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục (nguồn kinh phí tự chủ năm 2024);

Căn cứ Quyết định số 799/QĐ - PGDDT ngày 27/8/2024 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt bổ sung dự toán chi sự nghiệp giáo dục (nguồn kinh phí không tự chủ năm 2024);

Căn cứ Quyết định số 852/QĐ - PGDDT ngày 18/9/2024 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt phân bổ chi sự nghiệp giáo dục (nguồn kinh phí không tự chủ năm 2024);

Căn cứ Quyết định số 853/QĐ - PGDDT ngày 18/9/2024 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt phân bổ chi sự nghiệp giáo dục (nguồn kinh phí không tự chủ năm 2024);

Căn cứ Quyết định số 971/QĐ - PGDDT ngày 15/10/2024 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt bổ sung chi ngân sách năm 2024 từ nguồn trợ cấp có mục tiêu của tỉnh.



Căn cứ Quyết định số 991/QĐ - PGDDĐT ngày 28/10/2024 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt dự toán và nguồn kinh phí thực hiện Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ năm 2024.

Căn cứ Quyết định số: 341/QĐ-MNASA ngày 08/11/2024 của trường Mầm non An Sinh A về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07 tháng 08 năm 2024 của Chính Phủ.

Căn cứ Quyết định số 1145/QĐ - PGDDĐT ngày 1/11/2024 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt bổ sung dự toán kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ năm 2024 (từ nguồn dự phòng cải cách tiền lương)

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ - PGDDĐT ngày 20/12/2024 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục (Nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2024.

Căn cứ Quyết định số 1181/QĐ - PGDDĐT ngày 20/12/2024 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục (Nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2024.

Căn cứ Quyết định số 1186/QĐ - PGDDĐT ngày 26/12/2024 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục (Nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2024.

Căn cứ vào Thông báo số 336/TB-PGD&ĐT ngày 07/3/2025 của Phòng giáo dục và Đào tạo thành phố Đông Triều về việc thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách và các khoản thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các đơn vị trường học năm 2025;

Xét đề nghị của tổ Văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 của trường Mầm non An Sinh A (theo biểu chi tiết đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Ban giám hiệu, tổ văn phòng, các tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT thị xã;
- BGH nhà trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Phụng

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON AN SINH A

Chương: 622 Loại 070 Khoản 071

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 76/QĐ-MNANA ngày 25/03/2025 của Hiệu trưởng trường MN An Sinh A)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
1	Quyết toán thu	1.173.951.631	1.173.951.631	0	
A	Tổng số thu	1.173.951.631	1.173.951.631	0	
1	Tiền ăn	612.066.000	612.066.000	0	
2	Tiền cấp dưỡng	156.474.000	156.474.000	0	
3	Tiền quản lý học sinh bán trú	214.162.000	214.162.000	0	
4	Tiền mua sắm bổ sung ban đầu	19.850.000	19.850.000	0	
5	Tiền điện điều hòa	-	0	0	
6	Nguồn học phí	143.800.000	143.800.000	0	
7	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	10.751.631	10.751.631	0	
8	Tiền khen thưởng	16.848.000	16.848.000	0	
			0		
B	Chi từ nguồn thu được để lại	1.211.091.100	1.211.091.100	0	
1	Tiền ăn	612.066.000	612.066.000	0	
2	Tiền cấp dưỡng	156.474.000	156.474.000	0	
3	Tiền quản lý học sinh bán trú	214.162.000	214.162.000	0	
4	Tiền mua sắm bổ sung ban đầu	19.850.000	19.850.000	0	
5	Tiền điện điều hòa	-	0	0	
6	Nguồn học phí	184.800.000	184.800.000	0	
7	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	6.891.100	6.891.100	0	
8	Tiền khen thưởng	16.848.000	16.848.000	0	
			0		
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	5.319.344.186	5.319.344.186	0	
1	Chi thường xuyên	4.904.139.886	4.904.139.886	0	
a	Chi thanh toán cá nhân	4.030.246.516	4.030.246.516	0	
	Mục 6000: Tiền lương	1.848.454.800	1.848.454.800	0	
	Mục 6050: Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	-	0	0	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.340.915.244	1.340.915.244	0	
	Mục 6200: Tiền thưởng	16.848.000	16.848.000	0	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	0	0	0	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	564.157.672	564.157.672	0	
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	259.870.800	259.870.800	0	
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	813.895.070	813.895.070	0	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	36.856.200	36.856.200	0	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	125.876.000	125.876.000	0	
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6.185.100	6.185.100	0	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Mục 6650: Hội nghị	0	0	0	
	Mục 6700: Công tác phí	17.870.000	17.870.000	0	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	79.872.000	79.872.000	0	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	432.271.520	432.271.520	0	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	114.964.250	114.964.250	0	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình		0	0	
c	Chi mua sắm, sửa chữa	0	0	0	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	0	0	0	
	Tiểu mục 7053: Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	0	0	0	
d	Các khoản chi khác	59.998.300	59.998.300	0	
	Mục 7750: Chi khác	59.998.300	59.998.300	0	
2	Chi không thường xuyên	415.204.300	415.204.300	0	
a	Chi thanh toán cá nhân	0	0	0	
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	145.434.300	145.434.300		
	Mục 6112: Chi tiền hỗ trợ giáo viên dạy trẻ khuyết tật	18.730.300	18.730.300		
	Mục 6156: Chi tiền hỗ trợ tiền học phí	400.000	400.000		
	Mục 6157: Chi tiền hỗ trợ chi phí học tập	3.000.000	3.000.000		
	Mục 6199: Chi hỗ trợ ăn trưa	3.496.000	3.496.000		
	Mục 6757: Chi tiền thuê lao động trong nước	119.808.000	119.808.000	0	
			0	0	
			0		
c	7000- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	157.830.000	157.830.000	0	
	Mục 6608: Chi mua bổ sung sách thư viện	12.120.000	12.120.000	0	
	Mục 7049: Chi bồi dưỡng TX cho CBQL, GV	8.800.000	8.800.000		
	Mục 7766: Chi cấp bù học phí học kỳ II năm học 2022 - 2023	130.700.000	130.700.000		
	Mục 7799: Chi các khoản khác	6.210.000	6.210.000		
d	Nguồn khen thưởng	111.940.000	111.940.000		
	Mục 62019 - Thưởng thường xuyên	111.940.000	111.940.000		
			0	0	
				0	

Hiệu trưởng



Lê Thị Phụng